

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13 /2017/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành giá dịch vụ sử dụng cảng cá và giá dịch vụ cho thuê cơ sở hạ tầng tại cảng cá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 80/2012/NĐ-CP ngày 08/10/2012 của Chính phủ về quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ; số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014;

Căn cứ Thông tư số 52/2013/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 80/2012/NĐ-CP ngày 08/10/2012 của Chính phủ về quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 323/TTr-SNNPTNT ngày 15/02/2017, Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 272/STC-QLGCS ngày 23/01/2017 và của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 24/BC-STP ngày 08/02/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Giá dịch vụ sử dụng cảng cá và giá dịch vụ cho thuê cơ sở hạ tầng tại cảng cá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân sử dụng cảng cá và cơ sở hạ tầng tại cảng cá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Ban Quản lý các cảng cá tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Giá dịch vụ sử dụng cảng cá, giá dịch vụ cho thuê cơ sở hạ tầng tại cảng cá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và quản lý, sử dụng nguồn thu

1. Mức giá (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định)

a) Giá dịch vụ sử dụng cảng cá

a.1 Đối với tàu, thuyền cập cảng cá; phương tiện vận tải ra, vào cảng cá:

TT	Đối tượng	Mức giá (đồng)
1	Đối với tàu, thuyền đánh cá cập cảng, mức thu cho 01 lần ra, vào cảng cá, như sau:	
	<i>Có công suất dưới 20CV</i>	<i>10.000</i>
	<i>Có công suất từ 20CV đến 50CV</i>	<i>20.000</i>
	<i>Có công suất trên 50CV đến 90CV</i>	<i>40.000</i>
	<i>Có công suất trên 90CV đến 200CV</i>	<i>60.000</i>
	<i>Có công suất trên 200CV</i>	<i>100.000</i>
2	Đối với tàu, thuyền vận tải cập cảng, mức thu cho 01 lần ra, vào cảng cá, như sau:	
	<i>Có trọng tải dưới 5 tấn</i>	<i>20.000</i>
	<i>Có trọng tải từ 5 đến 10 tấn</i>	<i>40.000</i>
	<i>Có trọng tải trên 10 đến 100 tấn</i>	<i>100.000</i>
	<i>Có trọng tải trên 100 tấn</i>	<i>160.000</i>
3	Đối với phương tiện vận tải, mức thu cho 01 lần ra, vào cảng cá, như sau:	
	<i>Xe máy, xích lô, ba gác chở hàng</i>	<i>2.000</i>
	<i>Phương tiện có trọng tải dưới 1 tấn</i>	<i>10.000</i>
	<i>Phương tiện có trọng tải từ 1 đến 2,5 tấn</i>	<i>20.000</i>

	<i>Phương tiện có trọng tải trên 2,5 đến 5 tấn</i>	<i>30.000</i>
	<i>Phương tiện có trọng tải trên 5 đến 10 tấn</i>	<i>40.000</i>
	<i>Phương tiện có trọng tải trên 10 tấn</i>	<i>50.000</i>

a. 2 Đối với hàng hóa qua cảng cá:

TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Mức giá (đồng)
1	Hàng thủy sản, động vật tươi sống	tấn	20.000
2	Các loại hàng hóa khác	tấn	8.000

b) Giá dịch vụ cho thuê cơ sở hạ tầng (mặt bằng) tại Cảng cá Tịnh Kỳ:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức giá (đồng)
1	Cửa hàng xăng dầu, nhà máy đá lạnh	m ² /năm	80.000
2	Cơ sở thu mua hải sản, kho lạnh	m ² /năm	60.000
3	Cửa hàng ngư cụ, cửa hàng nhu yếu phẩm	m ² /năm	40.000
4	Xưởng cơ khí, nhà máy chế biến thủy sản	m ² /năm	30.000
5	Nhà máy đóng, sửa tàu thuyền	m ² /năm	12.000

c) Giá dịch vụ cho thuê cơ sở hạ tầng (mặt bằng) tại Cảng neo trú tàu thuyền Mỹ Á và Cảng neo trú tàu thuyền Tịnh Hòa:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức giá (đồng)
1	Cửa hàng xăng dầu, nhà máy đá lạnh	m ² /năm	60.000
2	Cơ sở thu mua hải sản, kho lạnh:		
	<i>Không có mái che</i>	<i>m²/năm</i>	<i>30.000</i>
	<i>Có mái che</i>	<i>m²/năm</i>	<i>60.000</i>
3	Cửa hàng ngư cụ, cửa hàng nhu yếu phẩm	m ² /năm	20.000
4	Xưởng cơ khí, nhà máy chế biến thủy sản	m ² /năm	15.000
5	Nhà máy đóng, sửa tàu thuyền	m ² /năm	10.000

d) Giá dịch vụ cho thuê cơ sở hạ tầng (mặt bằng) tại Cảng neo trú tàu thuyền Lý Sơn:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức giá (đồng)
1	Cửa hàng xăng dầu, nhà máy đá lạnh	m ² /năm	40.000
2	Cơ sở thu mua hải sản, cửa hàng ngư cụ, Cửa hàng nhu yếu phẩm	m ² /năm	15.000
3	Xưởng cơ khí, kho lạnh, nhà máy chế biến thủy sản	m ² /năm	12.000
4	Nhà máy đóng, sửa tàu thuyền	m ² /năm	8.000

2. Quản lý và sử dụng nguồn thu: Việc quản lý và sử dụng giá dịch vụ sử dụng cảng cá và giá dịch vụ cho thuê cơ sở hạ tầng tại cảng cá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/3/2017 và thay thế Quyết định số 63/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh quy định mức thu và quản lý, sử dụng phí sử dụng cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Lý Sơn, Bình Sơn, Mộ Đức, Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi; Giám đốc Ban Quản lý các cảng cá tỉnh Quảng Ngãi và Thủ trưởng các sở ngành, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Trần Ngọc Căng